TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN NGÂN SƠN** **TỈNH BẮC KẠN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **25**/2019/HS-ST
Ngày: 08/10/2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NGÂN SƠN, TỈNH BẮC KẠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thái Công.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Hoàng Thị Huyên.

Ông Lý Văn Trường.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lý Sinh Hà – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Ngân Sơn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ngân Sơn tham gia phiên tòa: Bà Vương Thị Nhung và ông Nông Văn Thượng - Kiểm sát viên.

Trong ngày 08 tháng 10 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ngân Sơn, tỉnh Bắc Kạn xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 25/2019/TLST-HS ngày 16 tháng 8 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 23/2019/QĐXXST-HS ngày 30 tháng 8 năm 2019 đối với các bị cáo:

1. Triệu Văn P. Tên gọi khác: Không. Sinh ngày 22 tháng 3 năm 1963 tại huyện T, tỉnh C. Nơi đăng ký HKTT và nơi cư trú : Thôn A, xã B, huyện Ngân Sơn, tỉnh Bắc Kạn; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Trình độ học vấn: Lớp 02/10; Dân tộc: Dao; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Triệu Văn C (đã chết); Con bà Triệu Thị S (không nhớ năm sinh); Có vợ là Triệu Thị X, sinh năm 1964 và có 03 con, con lớn sinh năm 1985, con nhỏ sinh năm 1990; Tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo tại ngoại tại nơi cư trú, có mặt tại phiên tòa.

2. Bàn Văn N. Tên gọi khác: Không. Sinh ngày 14 tháng 11 năm 1986 tại huyện T tỉnh C. Nơi đăng ký HKTT và nơi cư trú : Thôn A, xã B, huyện T, tỉnh C; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Trình độ học vấn: Mù chữ; Dân tộc: Dao; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Bàn Văn T, sinh năm 1963; Con bà Chu Thị Đ, sinh năm 1963; Có vợ là Bàn Thị N, sinh năm 1992 và có 02 con, con lớn sinh năm 2011, con nhỏ sinh năm 2017; Tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo tại ngoại tại nơi cư trú, có mặt tại phiên tòa.

3. Triệu Văn L. Tên gọi khác: Không. Sinh ngày 17 tháng 8 năm 1961 tại huyện T, tỉnh C. Nơi đăng ký HKTT và nơi cư trú : Thôn A, xã B, huyện T, tỉnh C; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Trình độ học vấn: Mù chữ; Dân tộc: Dao; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Triệu Văn Đ, sinh năm 1932; Con bà Bàn Thị C, sinh năm 1932; Có vợ là Bàn Thị S, sinh năm 1961 và có 03 con, con lớn sinh năm 1980, con nhỏ sinh năm 1990; Tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo tại ngoại tại nơi cư trú, có mặt tại phiên tòa.

4. Triệu Văn V. Tên gọi khác: Không. Sinh ngày 28 tháng 6 năm 1984 tại huyện T, tỉnh C. Nơi đăng ký HKTT và nơi cư trú : Thôn A, xã B, huyện T, tỉnh C; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Trình độ học vấn: Lớp 4/12; Dân tộc: Dao; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Triệu Văn N, sinh năm 1950; Con bà Phùng Thị B (không nhớ năm sinh); Có vợ là Triệu Thị C, sinh năm 1984 và có 03 con, con lớn sinh năm 2005, con nhỏ sinh năm 2015; Tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: Đã từng bị kết án 04 tháng tù về tội đánh bạc theo bản án số 37/2013/HSST, ngày 11, 12/12/2013 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh L và bị xử phạt tiền 10.000.000 đồng về tội làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan tổ chức theo bản án số 12/2015/HSST, ngày 20/3/2015 của Tòa án nhân dân tỉnh C (bị cáo đã thi hành xong các bản án nêu trên và đã được xóa án tích).

Bị cáo tại ngoại tại nơi cư trú, có mặt tại phiên tòa.

5. Lô Văn L. Tên gọi khác: Không. Sinh ngày 09 tháng 8 năm 1979 tại huyện T, tỉnh C. Nơi đăng ký HKTT và nơi cư trú : Thôn A, xã B, huyện T, tỉnh C; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Trình độ học vấn: Lớp 7/12; Dân tộc: Tày; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Lô Văn M (đã chết); Con bà Trần Thị T (đã chết); Có vợ là Lương Thị P, sinh năm 1979 và có 03 con, con lớn sinh năm 1998, con nhỏ sinh năm 2013; Tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo tại ngoại tại nơi cư trú, có mặt tại phiên tòa.

Người tham gia tố tụng khác:

- *Người bào chữa cho các bị cáo Bàn Văn N, Triệu Văn L:* Ông Lý Văn Trung - Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Bắc Kạn. Có mặt.

- *Người bào chữa cho bị cáo Triệu Văn P:* Bà Hoàng Thu Chung - Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Bắc Kạn. Có mặt.

- *Người bào chữa cho các bị cáo Triệu Văn V, Lô Văn L:* Ông Sầm Đức Tùng - Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Bắc Kạn, Chi nhánh Ngân Sơn. Có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*

+ Ông Bàn Đức N, sinh năm 1964. Nơi cư trú: Thôn A, xã B, huyện Ngân Sơn, tỉnh Bắc Kạn. Vắng mặt tại phiên tòa có lý do.

+ Ông Bàn Sinh L (tức Bàn Sinh N), sinh năm 1938. Nơi cư trú: Thôn A, xã B, huyện Ngân Sơn, tỉnh Bắc Kạn. Vắng mặt tại phiên tòa có lý do.

+ Ông Triệu Văn C, sinh năm 1947. Nơi cư trú: Thôn A, xã B, huyện Ngân Sơn, tỉnh Bắc Kạn. Vắng mặt tại phiên tòa có lý do.

+ Ông Bàn Văn L, sinh năm 1937. Nơi cư trú: Thôn A, xã B, huyện Ngân Sơn, tỉnh Bắc Kạn. Vắng mặt tại phiên tòa có lý do.

- *Nguyên đơn dân sự:* Ủy ban nhân dân huyện Ngân Sơn, tỉnh Bắc Kạn. Đại diện theo pháp luật là bà Chu Thị H - Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Ngân Sơn, tỉnh Bắc Kạn. Đại diện theo ủy quyền là ông Hà Tấn T - Phó Trưởng phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn huyện Ngân Sơn, tỉnh Bắc Kạn. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 25/7/2018 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Ngân Sơn nhận được tin từ quần chúng nhân dân báo, tại khu rừng sản xuất là rừng tự nhiên thuộc khu vực thôn A và thôn C, xã B, huyện Ngân Sơn, tỉnh Bắc Kạn có nhiều cây gỗ bị chặt hạ. Ngày 30 và 31/7/2018, Cơ quan Cảnh sát điều tra đã phối hợp với các Cơ quan chức năng tiến hành khám nghiện hiện trường. Kết quả khám nghiệm có 17 cây gỗ từ nhóm III đến đến nhóm VII có tổng khối lượng là 87,368 m^3 gỗ tròn, được đánh số thứ tự từ 01 đến 17. Quá trình điều tra xác định các cây gỗ do các hộ dân trong xã B, huyện Ngân Sơn quản lý, cụ thể:

- Cây số 01 (ký hiệu SP) do ông Bàn Văn P, trú tại thôn A, xã B, huyện Ngân Sơn, tỉnh Bắc Kạn quản lý có 9,407 m^3.

- Cây số 02, 16 (cây Re có 3,786 m^3); 03, 14 (cây SP có 4,508 m^3); 04, 15, 17 (cây Giẻ có 2,953 m^3); 09, 10 (cây Chò chỉ có 10,111 m^3); 12 (cây Kháo có 3,959 m^3). Các cây trên do ông Bàn Đức N, trú tại thôn C, xã A, huyện Ngân Sơn quản lý.

- Cây số 05 (cây Giổi có 6,199 m^3); cây số 06 (gỗ Re có 5,375 m^3); cây số 07 (gỗ SP có 2,323 m^3); cây số 08 (gỗ Dầm có 24,572 m^3). Các cây gỗ trên thuộc rừng do ông Bàn Sinh L (Bàn Sinh N), trú tại thôn C, xã A, huyện Ngân Sơn quản lý.

- Cây số 11 (gỗ Kháo có 7,056 m^3); cây 13 (gỗ Re có 7,110 m^3). Các cây gỗ trên thuộc rừng do ông Triệu Văn C, trú tại thôn A, xã B, huyện Ngân Sơn quản lý.

Trên cơ sở kết quả khám nghiệm hiện trường và bản đồ quy hoạch 03 loại rừng xã B, huyện Ngân Sơn, tỉnh Bắc Kạn, rà soát quy hoạch 03 loại rừng theo Chỉ thị số 38/2005/CT-TTg của Thủ tướng chính phủ và Bản đồ kiểm kê rừng và đất lâm nghiệp năm 2012 xác định các cây gỗ bị chặt hạ nằm trên khoảnh 5, khoảnh 6, tiểu khu 132 thuộc rừng sản xuất tự nhiên xã B, huyện Ngân Sơn.

Cơ quan Cảnh sát điều tra đã trưng cầu định giá tài sản các cây gỗ trên. Tại Kết luận định giá tài sản số 33/KL-HĐĐG ngày 19/9/2018 kết luận: Tổng khối lượng 87,368m^3 gỗ tròn các loại có giá trị tại thời điểm bị chặt hạ là: **331.410.000 đồng**, cụ thể:

- Gỗ Re: = 16,271 m^3 x 4.900.000 đồng = 79.728.000 đồng.
- Gỗ Giẻ: = 2,95 m^3 x 2.720.000 đồng = 8.032.000 đồng.
- Gỗ Giổi: = 6,199 m^3 x 9.000.000 đồng = 57.791.000 đồng.
- Gỗ Dầm: = 24,572 m^3 x 2.500.000 đồng = 61.430.000 đồng.
- Gỗ Chò chỉ: = 10,111 m^3 x 5.700.000 đồng = 57.633.000 đồng.
- Gỗ Kháo: = 11,024 m^3 x 3.000.000 đồng = 33.072.000 đồng.
- Gỗ SP: = 16,238 m^3 x 2.200.000 đồng = 35.724.000 đồng.

(Gỗ SP là gỗ tự nhiên khác không xác định được loại cây)

Quá trình điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra xác định được: Khoảng giữa tháng 02/2018 Bàn Đức N, sinh năm 1964, trú tại: thôn C, xã B, huyện Ngân Sơn, tỉnh Bắc Kạn, đến nhà Bàn Văn N, sinh năm 1986, trú tại: thôn A, xã B, huyện T, tỉnh C chơi. Tại nhà N, Nhất gặp Triệu Văn L, sinh năm 1961 (người cùng thôn với Ngân), Nhất nói có các cây gỗ ở trong rừng thuộc khu vực thôn A và thôn C, xã B, huyện Ngân Sơn, tỉnh Bắc Kạn muốn bán. Sau khi Bàn Đức N về nhà, N và L bàn bạc cùng nhau mua các cây gỗ của Bàn Đức N. Đến khoảng đầu tháng 3/2018 Ngân và L đến lán chăn nuôi của Triệu Văn P, sinh năm 1963, tại thôn A, xã B, huyện Ngân Sơn, thống nhất cùng góp tiền mua cây xoan mộc (Dầm) trong rừng của N. Triệu Văn P đưa cho Triệu Văn Lp 1.500.000 đồng, Lý bỏ ra 1.800.000 đồng, tổng cộng là 3.300.000 đồng đưa cho N, nhưng N chỉ lấy 3.200.000 đồng. Sau khi mua được cây gỗ P và L lại rủ thêm Triệu Văn V, sinh năm 1984, trú tại thôn A, xã B, huyện T, tỉnh C cùng tham gia khai thác cây gỗ, Vạng đã đưa cho Triệu Văn L 3.300.000 đồng, sau đấy Triệu Văn V lại rủ thêm Lô Văn L, sinh năm 1979 (người cùng thôn V), cùng tham gia khai thác. Đối với Triệu Văn L sau khi nhận được tiền, L đưa cho P 1.500.000 đồng, số tiền còn lại 1.800.000 đồng L giữ lại.

Khoảng đầu tháng 4/2018 Triệu Văn L, Triệu Văn P, Triệu Văn V, Bàn Văn N và Lô Văn L cùng nhau vào rừng thuộc khu vực thôn A và thôn C, xã B, huyện Ngân Sơn để khai thác gỗ. Khi đi Triệu Văn L mang theo một chiếc máy cưa lốc và xích, Triệu Văn P mang theo một lưới lam của máy, Triệu Văn V mang theo một can xăng, nhớt pha xăng và nhớt thải để tưới xích; khi đến vị trí cây gỗ (Dầm) L, P, N thay nhau dùng cưa lốc cắt cây, V và L cùng hộ đến khi cây đổ thì cả năm người cùng nhau về nhà (khi khám nghiệm xác định là cây được đánh số 08). Đến khoảng giữa tháng 4/2018 Bàn Văn N và Triệu Văn P cùng nhau đến nhà Bàn Đức N tiếp tục mua 03 cây gỗ trong rừng, Bàn Đức N đồng ý và bảo với N và P tự vào rừng khác chọn cây nào nên thì khai thác lấy, Bàn Văn N đưa cho N 4.000.000 đồng (số tiền này là của

riêng Bàn Văn N). Đến đầu tháng 5/2018 Bàn Văn N và Triệu Văn P mang theo một chiếc cưa lốc, xăng, nhớt vào rừng cùng nhau khai thác 02 cây gỗ Re, 01 cây gỗ Giổi, và làm đổ theo một 01 cây gỗ khác không xác định được loại cây gì (khi khám nghiệm được xác định các cây được đánh số 2, 5, 6, 7 có tổng khối lượng là 15,852 m^3).

Như vậy: Trong vụ án này Triệu Văn L, Triệu Văn P, Lô Văn L, Triệu Văn V và Bàn Văn N phải chịu trách nhiệm hình sự vì đã chặt hạ cây gỗ (Dầm) được đánh số 08 có tổng khối lượng là 24,572 m^3. Đối với Triệu Văn P và Bàn Văn N phải chịu trách nhiệm hình sự vì có hành vi khai thác các cây được đánh số thứ tự 02, 05, 06, 07 có tổng khối lượng là 15,852 m^3. Vì vậy Triệu Văn P và Bàn Văn N phải chịu tổng khối lượng đã khai thác là 40,424 m^3.

Ngày 04/3/2019 Cơ quan cảnh sát điều tra, Viện kiểm sát, Hạt kiểm lâm, Ủy ban nhân dân xã B, huyện Ngân Sơn, cùng Lô Văn L, Triệu Văn V, Triệu Văn P, Bàn Văn N, Bàn Đức N, Triệu Văn L, Bàn Đức T (con trai Bàn Sinh L) tiến hành xác định vị trí các cây gỗ bị chặt hạ. Tại hiện trường Triệu Văn P và Bàn Văn N xác nhận các cây gỗ được đánh số 02, 05, 06 là các cây mua với Bàn Đức N, trong quá trình khai thác đã làm đổ theo cây gỗ được đánh số 07 (theo biên bản khám nghiệm hiện trường). Tuy nhiên khi mua bán và khai thác Bàn Đức N không trực tiếp đến chỉ tận nơi các cây bị chặt hạ. Các bị cáo Triệu Văn L, Triệu Văn P, Bàn Văn N, Lô Văn L, Triệu Văn V xác nhận cây gỗ được đánh số thứ tự 08 là do các bị cáo mua với Bàn Đức N. Tuy nhiên khi mua, bán và khai thác Nhất không đi tận thực địa để chỉ cho các bị cáo chặt hạ. Các cây gỗ trên là rừng sản xuất tự nhiên thuộc quyền quản lý và sử dụng của gia đình ông Bàn Sinh N (tên gọi khác Bàn Sinh L). Được thể hiện tại Bản đồ quy hoạch 03 loại rừng xã B, huyện Ngân Sơn, tỉnh Bắc Kạn; Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số T097169 do Ủy ban nhân dân huyện Ngân Sơn cấp ngày 15/01/2001, với tổng diện tích là 13.000 m^2 tại thôn A, xã B, huyện Ngân Sơn, tỉnh Bắc Kạn, tại số tờ bản đồ 132/6, số thửa 7c, 7d và Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số T097170 do Ủy ban nhân dân huyện Ngân Sơn cấp ngày 15/01/2001, với tổng diện tích là 10.5000m^2 tại thôn A, xã B, huyện Ngân Sơn, tỉnh Bắc Kạn, tại số tờ bản đồ 132/6, số thửa 7a,7b.

Tại Cơ quan Điều tra ông Bàn Sinh N (Bàn Sinh L) và Bàn Đức T khai nhận: Ngày 15/01/2001 gia đình ông được Ủy ban nhân dân huyện Ngân Sơn, cấp Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số T097169 và số T097170, tại thôn A, xã Thượng Quan, huyện Ngân Sơn, tỉnh Bắc Kạn, nơi các cây gỗ bị chặt hạ, theo biên bản khám nghiệm hiện trường được đánh số thứ tự 05, 06, 07, 08. Tuy nhiên trong năm 2018 gia đình ông không được khai thác, không được bán và cũng không được cho Bàn Đức N bán cho Triệu Văn L, Triệu Văn P, Lô Văn L, Triệu Văn V và Bàn Văn N.

Bàn Đức N khai nhận: Khoảng tháng 02/2018, N đến nhà Bàn Văn N và gặp Triệu Văn L cùng trú tại thôn A, xã B, huyện T, tỉnh C chơi. Tại nhà Bàn Văn N, N nói, trong khu vực thôn A và thôn C, xã B, huyện Ngân Sơn, rừng sản xuất tự nhiên

do N quản lý và sử dụng có cây gỗ muốn bán. Đến khoảng tháng 3/2018, Bàn Văn N và Triệu Văn L đến nhà mua với N một cây gỗ với giá 3.200.000 đồng. Đến khoảng giữa tháng 4/2018, Bàn Văn N và Triệu Văn P tiếp tục cùng nhau đến nhà Bàn Đức N mua 03 cây gỗ, N đồng ý và bảo với Bàn Văn N và P tự vào rừng khác chọn cây nào nên thì khai thác lấy, Bàn Văn N đưa cho N 4.000.000 đồng. Các lần bán Bàn Đức N không trực tiếp đến thực địa để chỉ tận nơi các cây gỗ N bán, cũng không được chỉ, dẫn các bị cáo đến khu rừng của ông Bàn Sinh N để khai thác. Ngày 15/01/2001 được Ủy ban nhân dân huyện Ngân Sơn cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số T097193 với tổng diện tích là 11.3000m^2 tại số tờ bản đồ 132/6, số thửa 3a, 3b và số T097193 với tổng diện tích là 18.1500m^2 tại số tờ bản đồ 132/6, số thửa 3c, 3d, 3e (BL 130, 131). Đối với 05 cây gỗ được đánh số thứ tự từ số 03, 04, 14, 15, 17 có tổng khối lượng là 7,461m^3 (theo biên bản khám nghiệm hiện trường) là thuộc trong rừng sản xuất tự nhiên của Bàn Đức N. Khoảng cuối năm 2017, Bàn Văn T, sinh năm 1962, trú tại thôn A, xã B, huyện T, tỉnh C có gọi bằng điện thoại di động xin được chặt một số cây trong rừng để làm nấm hương, N đồng ý và nói chỉ được chặt cây bé không được chặt cây to, còn T chặt bao nhiêu cây thì N không biết.

Quá trình điều tra Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Ngân Sơn xác định được trong vụ án này còn có Bàn Văn T, sinh năm 1962, trú tại thôn A, xã B, huyện T, tỉnh C một mình dùng cưa lốc chặt hạ 05 cây gỗ được đánh số thứ tự 03, 04, 14, 15, 17 có tổng khối lượng là 7,461 m^3 (theo biên bản khám nghiệm hiện trường) với mục đích để làm nấm hương. Tại Cơ quan điều tra Bàn Văn T cũng đã thành khẩn khai nhận hành vi khai thác các cây gỗ trên và tự nguyện nộp 01 chiếc cưa lốc, màu vàng cam, máy cũ đã qua sử dụng, có lưỡi lam liền xích máy, máy ký hiệu Husqvarna.

Như vậy, theo biên bản khám nghiệm hiện trường các cây gỗ được đánh số thứ tự số 05, 06, 07, 08 có tổng khối lượng là **38,469** m^3 nằm trong diện tích đất rừng được Ủy ban nhân dân huyện Ngân Sơn giao cho Bàn Sinh N (Bàn Sinh L) quản lý. Bàn Đức Nhất không được trực tiếp dẫn hoặc chỉ dẫn các bị cáo đến tận thực địa để khai thác. Vì vậy Bàn Đức N không phải chịu trách nhiệm hình sự cùng với các bị cáo Lô Văn L, Triệu Văn V, Triệu Văn P, Bàn Văn N, Triệu Văn L. Đối với cây số 02, 03, 04, 14, 15, 17 có tổng khối lượng 9,416 m^3, khi Cơ quan cảnh sát điều tra tiến hành khám nghiệm hiện trường, xác định là của Bàn Đức N, nên N phải chịu trách nhiệm tổng khối lượng các cây gỗ bị khai thác trái phép nêu trên.

Đối với các cây trong biên bản khám nghiệm hiện trường thể hiện, được đánh số thứ tự 01, 9, 10, 11, 12, 13, 16 có tổng khối lượng là 39,483 m^3 gỗ tròn quá trình điều tra không xác định được đối tượng chặt hạ.

Tại Cơ quan điều tra các bị cáo Lô Văn L, Triệu Văn V, Triệu Văn P, Bàn Văn N và Triệu Văn L đã thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi được dùng cưa lốc cắt đổ các cây gỗ tại khu vực thôn A và thôn C, xã B, huyện Ngân Sơn, tỉnh Bắc Kạn. Lời khai của các bị cáo phù hợp với nhau, phù hợp với địa điểm, hiện trường vụ án, vật

chứng là các cây gỗ bị chặt hạ còn lại trên hiện trường, công cụ dùng để chặt và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Điều này thể hiện các bị cáo đã thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của mình; các bị cáo không có tình tiết tăng nặng.

Bản cáo trạng số 16/CT-VKSNS ngày 16/5/2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Ngân Sơn, tỉnh Bắc Kạn đã truy tố các bị cáo Triệu Văn P, Bàn Văn Ngân, về tội "*Vi phạm quy định về khai thác, bảo vệ rừng và lâm sản*" quy định tại điểm b khoản 3 Điều 232 Bộ luật hình sự. Truy tố các bị cáo Triệu Văn L, Triệu Văn V, Lô Văn L về tội "*Vi phạm quy định về khai thác, bảo vệ rừng và lâm sản*" quy định tại điểm b khoản 2 Điều 232 Bộ luật hình sự.

Ngày 26/6/2019, Viện kiểm sát nhân dân huyện Ngân Sơn, tỉnh Bắc Kạn đã có văn bản số 560/VKSNS về việc đề nghị Tòa án nhân dân huyện Ngân Sơn trả hồ sơ để điều tra bổ sung.

Ngày 01/7/2019, Tòa án nhân dân huyện Ngân Sơn, tỉnh Bắc Kạn có Quyết định trả hồ sơ để điều tra bổ sung số 01/2019/HSST-QĐ với nội dung sau:

- Trả hồ sơ vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 17/2019/TLST-HS ngày 17 tháng 5 năm 2019 đối với bị can Triệu Văn P, sinh ngày 22/3/1963 tại huyện T, tỉnh C; Nơi cư trú: Thôn A, xã B, huyện Ngân Sơn, tỉnh Bắc Kạn; Nghề nghiệp: Làm ruộng và các đồng phạm.

Bị truy tố về tội: *"Vi phạm quy định về khai thác, bảo vệ rừng và lâm sản"*.

Cho Viện kiểm sát nhân dân huyện Ngân Sơn, tỉnh Bắc Kạn.

Để điều tra bổ sung những vấn đề sau đây:

- Làm rõ hành vi thỏa thuận mua bán các cây gỗ đánh số thứ tự 05, 06, 07, 08 của Bàn Đức N cho các bị can khai thác về đặc điểm, vị trí, khối lượng cụ thể các cây gỗ, căn cứ để đưa ra giá bán các cây gỗ;

- Làm rõ hành vi Bàn Đức N bán 04 cây gỗ cho Triệu Văn L, Triệu Văn P khai thác cuối năm 2017, vai trò, trách nhiệm của Bàn Đức N đối với các hành vi này;

- Làm rõ việc lập một số biên bản tố tụng như biên bản hỏi cung bị can, biên bản ghi lời khai người làm chứng còn có thiếu sót.

Căn cứ kết quả điều tra bổ sung xác định:

Trong khoảng năm 2015, 2016 Bàn Đức N có bán cho Triệu Văn L, Triệu Văn P 03 cây gỗ Dầm tại khu rừng của Nhất để khai thác. Ngày 18/7/2019 Cơ quan điều tra đã phối hợp với các cơ quan chức năng tiến hành khám nghiệm hiện trường, xác định vị trí 03 cây gỗ. Tuy nhiên, tại hiện trường không xác được vị trí các gốc cây, cành, ngọn, bìa bóc của cây, do lâu ngày đã bị mục nát và cũng không xác định, thu giữ được số ván đã khai thác từ 03 cây gỗ trên. Không có cơ sở xác định khối lượng 03 cây gỗ đã bị khai thác năm 2015, 2016. Do đó, không có căn cứ xem xét xử lý đối với N, L, P về hành vi này.

Đối với cây gỗ số 08 (gỗ Dầm), vào tháng 3/2018 giữa ông Nhất với Ngân, Lý thỏa thuận mua bán cây gỗ Dầm khối lượng khoảng 04m^3 đến 05m^3 trên rừng của Nhất với giá 3.200.000 đồng, vì căn cứ giá thị trường tại địa phương khoảng 1.500.000 đồng/m^3, người mua còn phải tự cắt xẻ, vận chuyển, nên giữa N với bàn Văn N, L thống nhất thỏa thuận mua bán cây gỗ với giá 3.200.000 đồng. Tuy nhiên, khi khai thác các bị can lại khai thác cây gỗ Dầm (cây số 8) có khối lượng 24,572 m^3 là cây gỗ to tương đương với giá trị khoảng 30 đến 40 triệu đồng và nằm trên đất rừng của người khác quản lý là nằm ngoài ý muốn của N. Bởi trong rừng của N ở vị trí gần với cây số 8 đã bị chặt hạ còn có nhiều cây gỗ Dầm khác, trong đó có 02 cây gỗ Dầm có khối lượng 04 m^3 đến 05 m^3 tương đương với số tiền mà Bàn Văn N, L và N đã cùng thỏa thuận mua bán, hai cây gỗ này chưa bị khai thác. Ngày 18/7/2019 đoàn công tác tiến hành đánh dấu lên thân cây, cụ thể: một cây được đánh dấu (X), có vòng dây gốc là 2,0m, cao khoảng 35 đến 40m; một cây được đánh dấu (O), có vòng dây gốc là 2,10m, cao khoảng 30m. Các bị cáo khai thác cây gỗ (cây số 8) có khối lượng, giá trị lớn hơn gấp nhiều lần so với khối lượng gỗ và số tiền đã thỏa thuận mua bán ban đầu.

Khoảng giữa tháng 4/2018 Bàn Văn N và Triệu Văn P cùng nhau đến nhà Bàn Đức N mua 03 cây gỗ Kháo trong rừng, N đồng ý và Bàn Văn N đưa cho N 4.000.000 đồng. Tuy nhiên, khi khai thác các bị cáo lại khai thác cây gỗ Giổi, Re (cây số 5, 6, làm đổ theo cây số 7) có khối lượng hơn 11m^3 là loại cây có giá trị cao hơn cây gỗ Kháo và không thuộc rừng N quản lý, trước và sau khi khai thác xong cũng không thông tin cho N việc chặt hạ các cây gỗ khác với thỏa thuận mua bán trước đó. Bàn Đức N không được trực tiếp dẫn hoặc chỉ dẫn các bị cáo đến tận thực địa để khai thác.

Vì vậy, Bàn Đức N không phải chịu trách nhiệm hình sự cùng với các bị can Lô Văn L, Triệu Văn V, Triệu Văn P, Bàn Văn N, Triệu Văn L đối với việc khai thác cây số 08, Bàn Đức N không phải chịu trách nhiệm hình sự cùng với các bị cáo Triệu Văn P, Bàn Văn N đối với việc khai thác cây số 5, 6 và làm đổ theo cây số 7.

Tại bản cáo trạng số 22/CT-VKSNS ngày 15/8/2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Ngân Sơn, tỉnh Bắc Kạn đã truy tố các bị cáo Triệu Văn Pham, Bàn Văn Ngân, về tội "*Vi phạm quy định về khai thác, bảo vệ rừng và lâm sản*" quy định tại điểm b khoản 3 Điều 232 Bộ luật hình sự. Truy tố các bị cáo Triệu Văn L, Triệu Văn V, Lô Văn L về tội "*Vi phạm quy định về khai thác, bảo vệ rừng và lâm sản*" quy định tại điểm b khoản 2 Điều 232 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ngân Sơn giữ nguyên quan điểm truy tố.

*Về trách nhiệm hình sự:

- Hình phạt chính: Đề nghị áp dụng điểm b khoản 3 Điều 232, Điều 17, Điều 38, điểm b, s khoản 1 + khoản 2 Điều 51, Điều 54, Điều 58 của Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) xử phạt các bị cáo Triệu Văn P và Bàn Văn N từ

03 đến 04 năm tù; áp dụng điểm b khoản 2 Điều 232, Điều 17, điểm b, s khoản 1 + khoản 2 Điều 51, Điều 58, Điều 65 của Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) xử phạt các bị cáo Lô Văn L, Triệu Văn L, Triệu Văn V từ 02 đến 02 năm 06 tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 48 tháng đến 54 tháng.

- Hình phạt bổ sung: Không đề nghị áp dụng đối với các bị cáo.

*Về xử lý vật chứng:

- Các cây gỗ được đánh số thứ tự 03, 04, 14, 15, 17 có tổng khối lượng là 7,461 m^3 và 01 máy cưa lốc, màu vàng cam, máy cũ đã qua sử dụng, có lưỡi lam liền máy, ký hiệu Husqvanrna của Bàn Văn T khai thác, quá trình điều tra Cơ quan Cảnh sát điều tra đã giao cho Hạt kiểm lâm huyện Ngân Sơn để xử lý theo thẩm quyền.

- Số tang vật còn lại có khối lượng 79,907 m^3 Cơ quan Cảnh sát điều tra giao cho Ủy ban nhân dân huyện quản lý, xử lý theo thẩm quyền. (Số lượng, tình trạng vật chứng như biên bản giao, nhận vật chứng ngày 17/4/2019 giữa cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Ngân Sơn và Ủy ban nhân dân huyện Ngân Sơn).

- Tịch thu, hóa giá, sung công quỹ 01 máy cưa lốc, màu vàng cam, máy cũ đã qua sử dụng, có lưỡi lam, xích liền máy, máy ký hiệu Husqvanrna 365 do Triệu Văn L tự nguyện nộp.

- Tịch thu, sung công quỹ số tiền 7.100.000 đồng do Bàn Đức N tự nguyện nộp, là tiền bán các cây gỗ trên rừng do các bị cáo trả cho N.

- Sung quỹ nhà nước số tiền 26.000.000 đồng mà các bị cáo đã nộp để khắc phục hậu quả.

*Về trách nhiệm dân sự: Không đặt vấn đề buộc các bị cáo phải bồi thường.

Tại phiên tòa những người bào chữa cho bị cáo bào chữa cho các bị cáo trình bày bản bào chữa như sau:

- Người bào chữa cho các bị cáo Bàn Văn N, Triệu Văn L nhất trí với quan điểm của Viện kiểm sát về tội danh, mức hình phạt, các tình tiết giảm nhẹ đã áp dụng và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho các bị cáo được hưởng án treo, cụ thể đề nghị xử phạt bị cáo Triệu Văn L 02 năm tù cho hưởng án treo, bị cáo Bàn Văn N 03 năm tù, nhưng cho hưởng án treo.

- Người bào chữa cho bị cáo Triệu Văn P nhất trí với quan điểm của Viện kiểm sát về tội danh, mức hình phạt, các tình tiết giảm nhẹ đã áp dụng và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được hưởng án treo, cụ thể đề nghị xử phạt bị cáo Triệu Văn P 03 năm tù, nhưng cho hưởng án treo.

- Người bào chữa cho các bị cáo Triệu Văn V, Lô Văn L nhất trí với quan điểm của Viện kiểm sát về tội danh, mức hình phạt, các tình tiết giảm nhẹ đã áp dụng và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho các bị cáo được hưởng án treo, cụ thể đề nghị xử phạt các bị cáo, mỗi bị cáo 02 năm tù, nhưng cho hưởng án treo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi và quyết định tố tụng của các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng: Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan điều tra Công an huyện Ngân Sơn, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân hyện Ngân Sơn, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay các bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến, khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng. Do đó, các quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi vi phạm của các bị cáo: Trong khoảng thời gian từ đầu tháng 4 năm 2018 đến đầu tháng 5 năm 2018 tại khu vực thôn A và thôn C xã B, huyện Ngân Sơn, tỉnh Bắc Kạn. Lô Văn L, Triệu Văn V, Triệu Văn P, Bàn Văn N và Triệu Văn L đã có hành vi dùng cưa lốc cắt đổ để khai thác 01 cây gỗ (Dầm) có tổng khối lượng là 24,572 mét khối (Kết quả khám nghiệm hiện trường được đánh số thứ tự 08). Triệu Văn P và Bàn Văn N được cùng nhau khác khai thác 03 cây gỗ và làm đổ theo 01 cây có tổng khối lượng là 15,852 mét khối (Kết quả khám nghiệm hiện trường được đánh số thứ tự số 02, 05, 06, 07). Tại kết luận định giá tài sản trong tố tụng huyện Ngân Sơn kết luận: Cây số 08 có giá trị 61.430.000 đồng; các cây số 02, 05, 06, 07 có giá trị 96.818.600 đồng.

Vì vậy, các bị cáo Triệu Văn P và Bàn Văn N phải chịu trách nhiệm đối với tổng khối lượng gỗ đã khai thác là 40,424 mét khối; Triệu Văn L, Triệu Văn V và Lô Văn L phải chịu trách nhiệm đối với tổng khối lượng gỗ đã khai thác là 24,572 mét khối gỗ đã khai thác.

Như vậy, hành vi khai thác 40,424 mét khối gỗ rừng sản xuất tự nhiên của Triệu Văn P và Bàn Văn N đã phạm vào tội "*Vi phạm quy định về khai thác, bảo vệ rừng và lâm sản*" quy định tại điểm b khoản 3 Điều 232 Bộ luật hình sự. Hành vi khai thác 24,572 mét khối gỗ của các bị cáo Triệu Văn L, Triệu Văn V, Lô Văn L đã phạm vào tội "*Vi phạm quy định về khai thác, bảo vệ rừng và lâm sản*" quy định tại điểm b khoản 2 Điều 232 của Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Hành vi nêu trên của các bị cáo Triệu Văn P, Bàn Văn N đã phạm vào tội "*Vi phạm quy định về khai thác, bảo vệ rừng và lâm sản*" quy định tại điểm b khoản 3 Điều 232 Bộ luật hình sự.

Hành vi nên trên của các bị cáo Triệu Văn L, Triệu Văn V, Lô Văn L đã phạm vào tội "*Vi phạm quy định về khai thác, bảo vệ rừng và lâm sản*" quy định tại điểm b khoản 2 Điều 232 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Điều luật có nội dung:

1. Người nào thực hiện một trong các hành vi sau đây, nếu không thuộc trường hợp quy định tài Điều 243 của Bộ luật này, thì bị phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 300.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm :

a)… ;

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tiền từ 300.000.000 đồng đến 1.500.000.000 đồng hoặc phạt tù từ 02 năm đến 07 năm:

a) ..;

b) Khai thác trái phép rừng sản xuất là rừng tự nhiên từ 20 mét khối (m^3) đến dưới 40 mét khối (m^3) gỗ loài thực vật thông thường hoặc từ 15 mét khối (m^3)đến dưới 30 mét khối (m^3) gỗ thuộc Danh mục thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp quý, hiếm Nhóm IIA;

...

3. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 05 năm đến 10 năm:

a) ..;

b) Khai thác trái phép rừng sản xuất là rừng tự nhiên 40 mét khối (m^3) trở lên gỗ loài thực vật thông thường hoặc 30 mét khối (m^3) trở lên gỗ thuộc Danh mục thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp quý, hiếm Nhóm IIA;

Hành vi phạm tội của các bị cáo đã xâm phạm đến chế độ về quản lý và bảo vệ rừng của Nhà nước, ảnh hưởng lớn đến công tác phát triển và bảo vệ rừng nhất là rừng phòng hộ, gây tổn hại đến môi trường và làm mất trật tự an ninh ở địa phương, do vậy việc truy tố, xét xử các bị cáo theo tội danh nêu trên là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Về vai trò thực hiện tội phạm, xét đây là vụ án có đồng phạm, nhưng là đồng phạm giản đơn, các bị cáo đều là người thực hành trong vụ án, cùng nhau góp tiền mua gỗ và số lượng gỗ mỗi bị cáo đều có khối lượng khai thác khác nhau, do vậy từng bị cáo phải chịu trách nhiệm riêng về hành vi khai thác gỗ trái phép của mình.

Những lời bào chữa của những người bào chữa cho các bị cáo tại phiên tòa đều có cơ sở do vậy cần xem xét chấp nhận.

[3] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo:

Về tình tiết giảm nhẹ :

Quá trình điều tra, các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của bản thân, do vậy các bị cáo đều được hưởng 02 tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); Bị cáo Triệu Văn P có bố là ông Triệu Văn C được Ủy ban nhân dân tỉnh C tặng bằng khen vì đã có thành tích trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước, bị

cáo Bàn Văn N có ông ngoại là Chu Ứng P được tặng huân chương kháng chiến chống Mỹ cứu nước hạng ba, bị cáo Triệu Văn L trong thời kỳ kháng chiến tham gia dân công hỏa tuyến, bị cáo Triệu Văn V có ông nội là Hoàng Văn K được nhà nước tặng thưởng Huy chương kháng chiến hạng nhất, bị cáo Lô Văn L có ông nội Lô Khả K và ông chú Lô Văn K là liệt sỹ, bố đẻ là Lô Văn M được tặng Huân chương kháng chiến chống Mỹ cứu nước hạng ba, do vậy các bị cáo đều được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Ngoài ra, trong quá trình chuẩn bị xét xử, các bị cáo đều đã nộp tiền tại Chi cục Thi hành dân sự huyện Ngân Sơn, tỉnh Bắc Kạn để khắc phục hậu quả do vậy các bị cáo được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017)

Tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp theo ủy quyền của Nguyên đơn dân sự chấp nhận việc nộp tiền khắc phục hậu quả của các bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho các bị cáo được hưởng án treo. Do vậy, cần coi đây là tình tiết giảm nhẹ cho các bị cáo theo quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Các bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào quy định tại Điều 52 Bộ luật hình sự.

[4] Về hình phạt đối với bị cáo

Về hình phạt chính:

Xét thấy các bị cáo Triệu Văn L, Lô Văn L và Triệu Văn V có nhiều tình tiết giảm nhẹ, trước khi thực hiện hành vi phạm tội bị cáo không có tiền án, tiền sự, bản thân thực hiện tốt các quy định nơi cư trú, có nơi cư trú ổn định, rõ ràng, Hội đồng xét xử xét thấy không cần thiết phải bắt các bị cáo phải chấp hành hình phạt tù ngay, mà cho bị cáo được hưởng án treo, ấn định thời gian thử thách và chịu sự giám sát, giáo dục của chính quyền địa phương nơi bị cáo cư trú trong thời gian thử thách, qua đó cũng đủ điều kiện để cho các bị cáo có cơ hội trở thành công dân tốt, có ích cho xã hội và cộng đồng, đồng thời thể hiện tính nhân đạo, khoan hồng của pháp luật đối với người phạm tội.

Đối với các bị cáo Triệu Văn P và Bàn Văn N xét thấy cần phải buộc bị cáo phải chịu hình phạt tù tại trại giam một thời gian nhất định. Tuy nhiên, xét thấy bản thân bị cáo là người dân tộc thiểu số, không được học hành, nhận thức pháp luật hạn chế, gia đình là hộ nghèo, sống ở vùng kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, tại phiên tòa các bị cáo đều đã tỏ ra thành khẩn khai báo, ân hận và ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của bản thân. Ngoài ra, các bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại khoản 1 Điều 51 của Bộ luật, vì vậy cần xem xét áp dụng Điều 54 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) cho bị cáo, xử bị cáo dưới mức thấp nhất của khung hình phạt được áp dụng, xử phạt bị cáo theo khung hình phạt liền kề

nhẹ hơn, đồng thời áp dụng Điều 65 của Bộ luật, phạt tù nhưng cho hưởng án treo ấn định thời gian thử thách và chịu sự giám sát, giáo dục của chính quyền địa phương nơi bị cáo cư trú trong thời gian thử thách, qua đó cũng đủ điều kiện để cho các bị cáo có cơ hội trở thành công dân tốt, có ích cho xã hội và cộng đồng, đồng thời thể hiện tính nhân đạo, khoan hồng của pháp luật đối với người phạm tội.

Về hình phạt bổ sung: Ngoài ra, theo quy định tại khoản 4 Điều 232 cảu Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) các bị cáo còn có thể phải chịu hình phạt bổ sung là phạt tiền, nhưng xét thấy các bị cáo đều thuộc các hộ nghèo và cận nghèo, sinh sống ở vùng kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn do vậy không xem xét áp dụng.

[5] Đối với hành vi của Bàn Đức N bán 01 cây gỗ Re có khối lượng 1,955 mét khối cho Triệu Văn P, Bàn Văn N khai thác và cho Bàn Văn T chặt làm nấm hương 05 cây gỗ có tổng khối lượng là 7,461 mét khối, xét thấy hành vi trên chưa cấu thành hình sự nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Ngân Sơn đã ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính. Hành vi của Bàn Văn T dùng cưa lốc chặt hạ 05 cây gỗ có tổng khối lượng 7,461 mét khối trong rừng của Bàn Đức N do khối lượng gỗ chưa cấu thành tội phạm hình sự, nên Cơ quan Cảnh sát điều tra đã chuyển Hạt kiểm lâm huyện Ngân Sơn để xử lý theo thẩm quyền.

Đối với Bàn Sinh L, Bàn Văn P, Triệu Văn C là chủ rừng có các cây gỗ bị khai thác, tuy nhiên bản thân và gia đình không được khai thác và cũng không được bán cho người khác khai thác nên không xem xét xử lý.

Ngoài ra trong vụ án này còn có các cây gỗ bị khai thác theo biên bản khám nghiệm hiện trường được đánh số thứ tự từ 01, 09, 10, 11, 12, 13, 16 có tổng khối lượng là 39,483 mét khối, quá trình điều tra chưa xác định được đối tượng khai thác. Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Ngân Sơn tách ra để tiếp tục điều tra, xác minh, nếu đủ căn cứ sẽ xử lý sau.

Đối với 03 cây gỗ Dầm mà Bàn Đức N bán cho Triệu Văn L và Triệu Văn P tại khu rừng của Nhất để khai thác khoảng năm 2015, 2016, quá trình điều tra không xác định được khối lượng các cây gỗ đã khai thác nên Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Ngân Sơn không có căn cứ xem xét xử lý.

[6] Xử lý vật chứng trong vụ án:

- Các cây gỗ được đánh số thứ tự 03, 04, 14, 15, 17 có tổng khối lượng là 7,461 mét khối và 01 máy cưa lốc, màu vàng cam, máy cũ đã qua sử dụng, có lưỡi lam liền máy, ký hiệu Husqvanrna của Bàn Văn T khai thác, quá trình điều tra Cơ quan Cảnh sát điều tra đã giao cho Hạt kiểm lâm huyện Ngân Sơn để xử lý theo thẩm quyền; Số tang vật còn lại có khối lượng 79,907 mét khối Cơ quan Cảnh sát điều tra giao cho Ủy ban nhân dân huyện quản lý, xử lý theo thẩm quyền. (Số lượng, tình trạng vật chứng như biên bản giao, nhận vật chứng ngày 17/4/2019 giữa cơ quan Cảnh sát điều

tra Công an huyện Ngân Sơn và Ủy ban nhân dân huyện Ngân Sơn). Việc xử lý như vậy là phù hợp với quy định của pháp luật.

- Đối với 01 máy cưa lốc, màu vàng cam, máy cũ đã qua sử dụng, có lưỡi lam, xích liền máy, máy ký hiệu Husqvanrna 365 do Triệu Văn L tự nguyện nộp xét cần tịch thu, hóa giá, sung công quỹ.

- Đối với số tiền 7.100.000 đồng do Bàn Đức N tự nguyện nộp, là tiền bán gỗ trên rừng do các bị các trả cho Bàn Đức N xét cần tịch thu, sung quỹ nhà nước.

[7] Về trách nhiệm bồi thường dân sự trong vụ án:

Nguyên đơn dân sự là Ủy ban nhân dân huyện Ngân Sơn, tỉnh Bắc Kạn. Người đại diện theo ủy quyền là ông Hà Tấn T - Phó trưởng phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn huyện Ngân Sơn không đề nghị các bị cáo phải bồi thường trách nhiệm dân sự. Tuy nhiên trong quá trình giải quyết vụ án, các bị cáo đã vượt mọi khó khăn, thử thách để nộp tiền khắc phục hậu quả do bản thân gây ra thể hiện sự ăn năn, hối cải và ý thức chấp hành pháp luật đã được nâng cao, cụ thể: Bị cáo Triệu Văn P và bị cáo Bàn Văn N mỗi người đã nộp 10.000.000 đồng; Bị cáo Triệu Văn L, Lô Văn L, Triệu Văn V mỗi người đã nộp 2.000.000 đồng tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ngân Sơn, tỉnh Bắc Kạn để góp phần khắc phục hậu quả. Vấn đề này sẽ được HĐXX xem xét thấu đáo khi lượng hình.

[8] Về án phí: Các bị cáo đều là người dân tộc thiểu số, sinh sống tại vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, và có đơn xin miễn án phí, do vậy cần miễn toàn bộ án phí hình sự sơ thẩm cho các bị cáo.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm b khoản 3 Điều 232; Điều 17, điểm b, s khoản 1 + khoản 2 Điều 51, Điều 54, Điều 58 và Điều 65 của Bộ luật hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017) để áp dụng đối với các bị cáo Triệu Văn P và Bàn Văn N.

Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 232; Điều 17, Điểm b, s khoản 1 + khoản 2 Điều 51, Điều 58, Điều 65 của Bộ luật hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017) để áp dụng đối với các bị cáo Triệu Văn L, Lô Văn L và Triệu Văn V.

1. Tuyên bố các bị cáo Triệu Văn P và bị cáo Bàn Văn N phạm tội: *"Vi phạm quy định về khai thác, bảo vệ rừng và lâm sản"* theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều 232 của Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Các bị cáo Triệu Văn L, Lô Văn L và Triệu Văn V phạm tội: *"Vi phạm quy định về khai thác, bảo vệ rừng và lâm sản*" theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 232 của Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

2. Về hình phạt:

2.1. Xử phạt bị cáo Triệu Văn P 03 năm tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 05 năm. Thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

2.2. Xử phạt bị cáo Bàn Văn N 03 năm tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 05 năm. Thời hạn thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

2.3. Xử phạt bị cáo Triệu Văn L 02 năm tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 04 năm. Thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

2.4. Xử phạt bị cáo Triệu Văn V 02 năm tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 04 năm. Thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

2.5. Xử phạt bị cáo Lô Văn L 02 năm tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 04 năm. Thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Triệu Văn P cho Ủy ban nhân dân xã B, huyện Ngân Sơn, tỉnh Bắc Kạn giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Giao các bị cáo Bàn Văn N, Triệu Văn L, Triệu Văn V và Lô Văn L cho Ủy ban nhân dân xã B, huyện T, tỉnh C giám sát, giáo dục các bị cáo trong thời gian thử thách.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo có ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Khoản 1 Điều 69 Luật Thi hành án hình sự. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc người đó phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 56 của Bộ luật Hình sự.

3. Về xử lý vật chứng trong vụ án: Áp dụng khoản 2, 3 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; Điều 47 của Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

3.1. Tịch thu, hóa giá, sung công quỹ 01 máy cưa lốc, màu vàng cam, máy cũ đã qua sử dụng, có lưỡi lam, xích liền máy, máy ký hiệu Husqvanrna 365 do Triệu Văn L tự nguyện nộp.

3.2. Tịch thu, sung công quỹ số tiền 7.100.000 đồng do Bàn Đức N tự nguyện nộp, là tiền bán các cây gỗ trên rừng do các bị cáo trả cho N.

(Số lượng, tình trạng vật chứng như biên bản giao, nhận vật chứng ngày 21/5/2019 giữa cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Ngân Sơn và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ngân Sơn).

4. Sung công quỹ Nhà nước số tiền khắc phục hậu quả do các bị cáo đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ngân Sơn, tỉnh Bắc Kạn. Cụ thể:

4.1. Số tiền 2.000.000 đồng bị cáo Triệu Văn L đã nộp theo biên lai số 08065 ngày 04/10/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ngân Sơn, tỉnh Bắc Kạn.

4.2. Số tiền 2.000.000 đồng bị cáo Lô Văn L đã nộp theo biên lai số 08061 ngày 17/9/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ngân Sơn, tỉnh Bắc Kạn.

4.3. Số tiền 2.000.000 đồng bị cáo Triệu Văn V đã nộp theo biên lai số 08060 ngày 17/9/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ngân Sơn, tỉnh Bắc Kạn.

4.4. Số tiền 10.000.000 đồng bị cáo Bàn Văn N đã nộp theo biên lai số 07935 ngày 27/5/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ngân Sơn, tỉnh Bắc Kạn.

4.5. Số tiền 10.000.000 đồng bị cáo Triệu Văn P đã nộp theo biên lai số 07934 ngày 27/5/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ngân Sơn, tỉnh Bắc Kạn.

5. Về án phí:

Áp dụng Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; Nghị quyết 326/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Miễn án phí hình sự sơ thẩm cho các bị cáo.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7,và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự".

6. Quyền kháng cáo:

Các bị cáo, nguyên đơn dân sự có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn mười năm ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bắc Kạn;
- VKSND tỉnh Bắc Kạn;
- Công an huyện Ngân Sơn;
- VKSND huyện Ngân Sơn;
- Sở Tư pháp
- Những người tham gia tố tụng;
- Chi cục THADS huyện Ngân Sơn (khi án có hiệu lực pháp luật);
- Bị cáo, người bào chữa;
- người có QLNVLQ;
- Lưu: HSVA.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thái Công